



10/09/20

**DAILY** MORNING

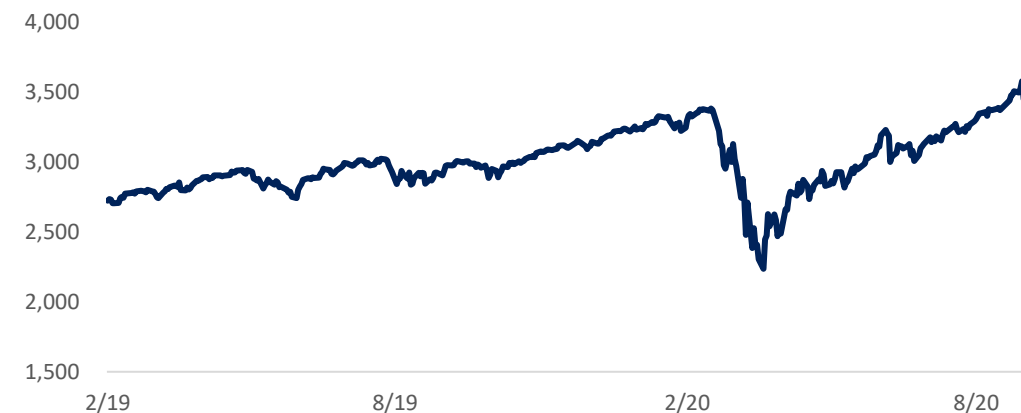
Tiếp cận hỗ trợ 880 điểm



|                | 10/9     | % Sáng 10/9 | 9/9      | % Ngày 9/9 | % Tuần | % Tháng |
|----------------|----------|-------------|----------|------------|--------|---------|
| VN INDEX       |          |             | 889.32   | -0.09%     | -0.27% | 5.69%   |
| S&P 500        |          |             | 3,398.96 | 2.01%      | -3.62% | 1.42%   |
| S&P500 Futures | 3,388.75 | -0.04%      | 3,390.00 | 1.95%      | -5.04% | 1.38%   |
| Shanghai       | 3,254.63 | -1.86%      | 3,316.42 | 0.72%      | -4.41% | -3.69%  |
| Euro Stoxx     |          |             | 3,324.83 | 1.76%      | -0.39% | 2.00%   |

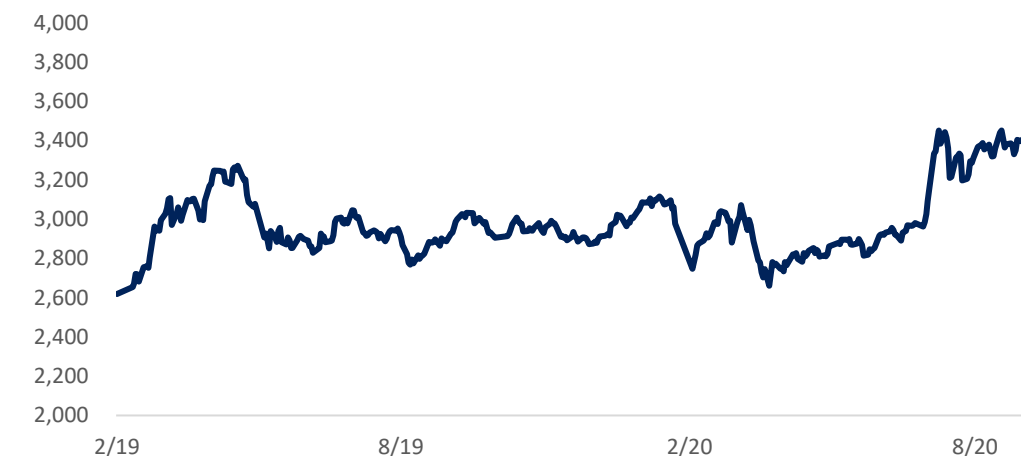
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | PTKT                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|----------|----------|----------|------|--------|------|-----------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>11/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 tăng điểm. Những ngành tích cực nhất là: Công nghệ thông tin (3.35), Nguyên vật liệu (2.58%), và Tiêu dùng không thiết yếu (2.31%). Những ngành kém tích cực nhất là: Năng lượng (0.62%), Tài chính (0.91%), và Dịch vụ viễn thông (0.92%).</li> <li>Chỉ số giá sản xuất tại Trung Quốc giảm 2% YoY trong tháng 8, sau khi giảm -2.4% YoY trong tháng 7. Chỉ số giá tiêu dùng tại Trung Quốc tăng 2.4% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 2.7% YoY trong tháng 7. Chỉ số giá thực phẩm tăng 11.2% YoY trong tháng 8, sau khi tăng 13.2% YoY trong tháng 7.</li> </ul> | <table> <tr> <th colspan="2">S&amp;P 500</th></tr> <tr> <td>Xu hướng</td><td>Tăng</td></tr> <tr> <td>Kháng cự</td><td>3600</td></tr> <tr> <td>Hỗ trợ</td><td>3050</td></tr> <tr> <td>Điểm PTKT</td><td>TÍCH CỰC</td></tr> </table> | S&P 500 |  | Xu hướng | Tăng     | Kháng cự | 3600 | Hỗ trợ | 3050 | Điểm PTKT | TÍCH CỰC  |
| S&P 500                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                    |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Xu hướng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tăng                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Kháng cự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3600                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3050                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Điểm PTKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TÍCH CỰC                                                                                                                                                                                                                           |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <table> <tr> <th colspan="2">SHComp</th></tr> <tr> <td>Xu hướng</td><td>Tích lũy</td></tr> <tr> <td>Kháng cự</td><td>3500</td></tr> <tr> <td>Hỗ trợ</td><td>3000</td></tr> <tr> <td>Điểm PTKT</td><td>TRUNG LẬP</td></tr> </table> | SHComp  |  | Xu hướng | Tích lũy | Kháng cự | 3500 | Hỗ trợ | 3000 | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |
| SHComp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                    |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Xu hướng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tích lũy                                                                                                                                                                                                                           |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Kháng cự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3500                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3000                                                                                                                                                                                                                               |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |
| Điểm PTKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TRUNG LẬP                                                                                                                                                                                                                          |         |  |          |          |          |      |        |      |           |           |

S&P 500 18 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

Shanghai Composite Index 18 tháng gần nhất



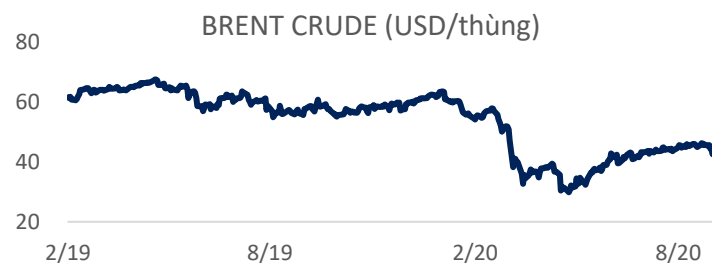
Nguồn: Bloomberg, BSC

# Dầu thô bật tăng từ vùng giá thấp

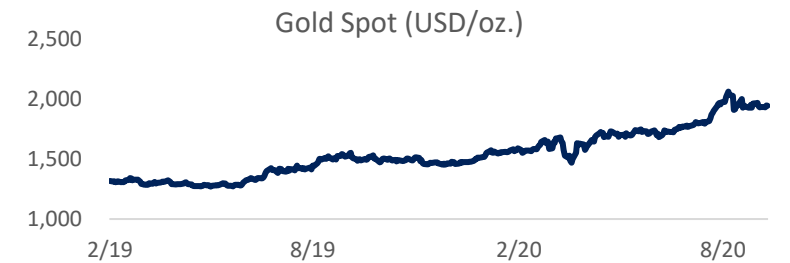
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 10/9     | % Sáng 10/9 | 9/9     | % 9/9  | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 37.83    | -0.58%      | 38.05   | 3.51%  | -8.87% | -10.29% | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 40.63    | -0.39%      | 40.79   | 2.54%  | -7.81% | -9.69%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 111.91   | -0.02%      | 111.93  | 1.50%  | -6.90% | -4.10%  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,946.55 | -0.01%      | 1946.84 | 0.77%  | 0.81%  | 1.81%   | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 26.94    | -0.16%      | 26.98   | 1.16%  | 1.32%  | 8.65%   | PNJ                |                    |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |             | 979.00  | 0.03%  | 1.77%  | 12.11%  | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |             | 545.00  | 0.23%  | -2.37% | 9.05%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |             | 18.48   | -1.75% | 1.15%  | 11.86%  | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 178.50   | 1.42%       | 176.00  | -2.38% | -3.41% |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 12.67   | -0.08% | -4.31% | -4.38%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 128.85  | -2.46% | -1.94% | 9.29%   | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 6734.00 | 0.99%  | 0.55%  | 6.75%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,679.00 | -0.54%      | 3699.00 | -1.12% | -3.06% | -1.58%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 1784.00 | -0.45% | -0.11% | 0.73%   | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 839.00   | -0.24%      | 841.00  | -1.46% | -2.72% | -0.12%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 51.90   | 2.17%  | 0.39%  | -4.42%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Theo API, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ tăng 2.9 triệu thùng trong tuần kết thúc hôm 4/9, sau khi giảm 6.4 triệu thùng trong tuần liền trước.
- EIA giảm ước tính nhu cầu dầu thô toàn cầu 210,000 thùng xuống 8.32 triệu thùng /ngày.



Nguồn: Bloomberg, BSC

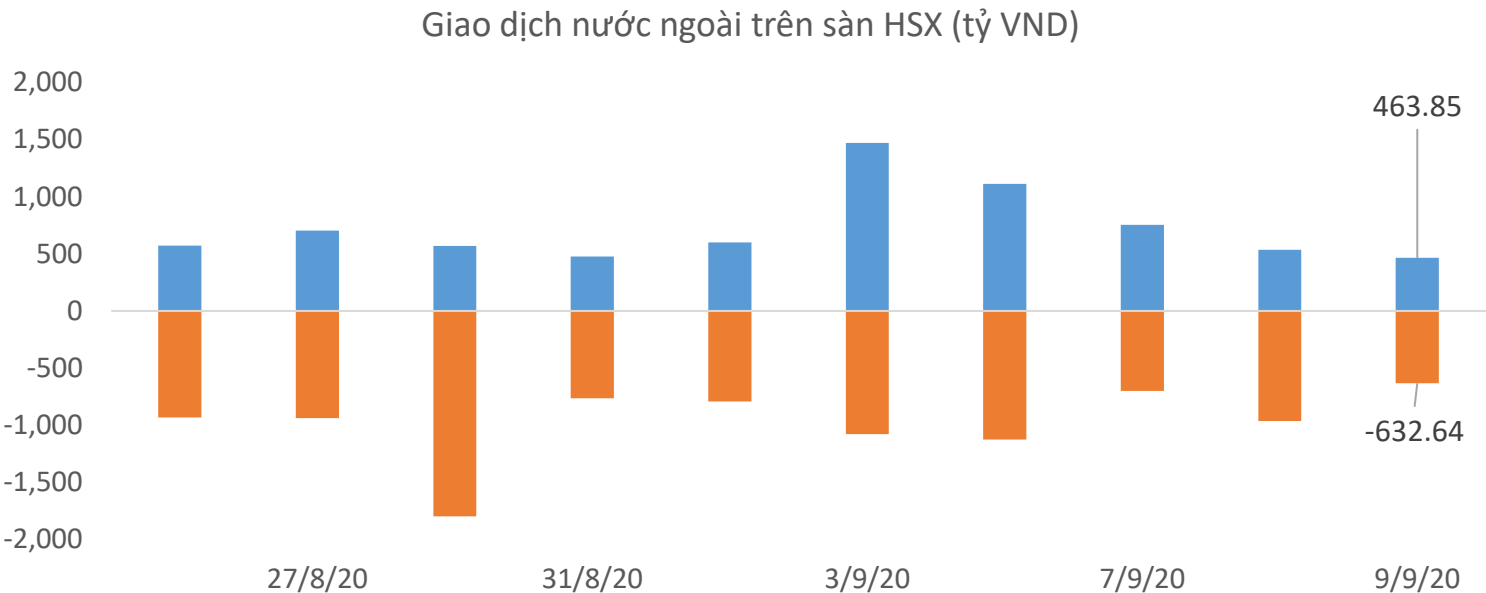


Nguồn: Bloomberg, BSC

# NĐT ngoại vẫn mua ròng ETF E1 và Diamond

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |       |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|-------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VNM       | 392.2            | 15.1            | 0.00               | 0.1%         | 0.0                       | 0.0   | 7.3   | 22.7  | ETF E1 tăng quy mô, Diamond giảm kết thúc chuỗi tăng 8 phiên liên tiếp. Tuy nhiên khối ngoại vẫn đẩy mạnh mua ròng tại 2 quỹ này và khả năng 2 quỹ này sẽ tăng được quy mô trong những phiên tới.<br>Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực, ngoại trừ thị trường Malaysia. |
| FTSE      | 232.7            | 28.2            | 0.00               | -2.1%        | 0.0                       | -0.9  | -1.5  | 4.9   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| iShare    | 372.2            | 25.6            | 0.00               | -1.4%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | -3.7  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| E1VFN30   | 246.4            | 0.6             | 0.59               | 0.0%         | 0.4                       | 1.4   | 8.2   | -6.7  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUEVFN30  | 85.0             | 0.5             | -0.40              | 1.8%         | -0.2                      | 5.4   | 13.4  | 49.5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVFL  | 33.6             | 0.4             | 0.00               | 0.4%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 11.4  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVN30 | 2.5              | 0.4             | 0.00               | 0.4%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VN100     | 2.4              | 0.5             | 0.00               | 2.2%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| KIM       | 164.5            | 10.5            | 0.00               | -0.2%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 4.1   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| PREMIA    | 20.2             | 9.0             | 0.00               | -0.2%        | 0.0                       | (2.0) | (4.2) | (2.8) |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -8.22   | -28.21                | -22.08                 |
| ASEAN4*                                               | -65.45  | -206.89               | -796.09                |
| Ấn Độ                                                 | -21.40  | 1.69                  | -150.36                |
| Đài Loan                                              | -302.48 | -463.63               | -820.91                |
| Hàn Quốc                                              | -121.32 | -442.81               | -1059.66               |
| Nhật Bản                                              |         | 109.18                | 109.20                 |
| Trung Quốc                                            |         |                       | 39589.66               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -0.59                 |                        |
| Thái Lan                                              |         | -13.45                |                        |
| Singapore                                             |         | 0.27                  |                        |
| Phillippines                                          |         | -8.14                 |                        |
| Malaysia                                              |         | -11.41                |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Tiếp cận ngưỡng 880 điểm

## Tin vĩ mô

- Bộ Xây dựng cũng đề nghị UBND các tỉnh, TP căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, cân nhắc công tác cấp mới các thủ tục pháp lý cho phép đầu tư xây dựng (phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng có các loại hình căn hộ du lịch (condotel), văn phòng kết hợp lưu trú (officetel), biệt thự nghỉ dưỡng (resort villa), nhà ở thương mại liên kế (shophouse)) trong khi việc quản lý, vận hành các loại hình bất động sản này vẫn còn một số tồn tại.
- Bộ Giao thông vận tải đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Hội đồng GPMB của địa phương xây dựng tiến độ chi tiết để thực hiện hoàn thành khối lượng giải phóng mặt bằng còn lại (khoảng 10 %), đảm bảo bàn giao toàn bộ mặt bằng phục vụ thi công các dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, trong tháng 9/2020.

## Thông số kỹ thuật

|          |          |
|----------|----------|
| Xu hướng | Tăng     |
| Chỉ báo  | Tích cực |
| Kháng cự | 905      |
| Hỗ trợ   | 880      |



Nguồn: FireAnt, BSC

- HAR: thông qua phương án mua tối đa 3,5 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Thời gian thực hiện dự kiến vào cuối quý III, đầu quý IV/2020.
- NSC: Ngày 01/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 02/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/10/2020.
- HVH: Đã thông qua phương án bán 500.000 cổ phiếu quỹ hiện có theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh từ ngày 17/9 đến 16/10.
- FMC: Dự kiến ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30/9, ngày tổ chức dự kiến là 18/10/2020. Doanh nghiệp dự kiến trình cổ đông xem xét phê duyệt việc triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới và phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
- VNL: Thông báo chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) nhưng không nhà đầu tư nào tham gia. Được biết, trước đó Vinalink thông báo chào bán toàn bộ 439.200 cổ phiếu Vinatrans Đà Nẵng với mức giá không thấp hơn 104.000 đồng/cổ phiếu, nhưng tới hạn chốt nhận hồ sơ là 3/9/2020 không có nhà đầu tư nào đăng ký.
- TDM: Đã thông qua quyết định mua vào 14.437.500 cổ phiếu tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (Biwase – mã CK: BWE) để đảm bảo tỷ lệ sở hữu 38,5% vốn điều lệ tại Biwase, giao dịch dự kiến thực hiện từ tháng 9/2020 thông qua giao dịch thỏa thuận, khớp lệnh và đấu giá công khai.
- SGN: 14/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 15/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/9/2020.
- NCT: Đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 30%, ngày chốt quyền nhận cổ tức là 22/09/2020 và ngày chi trả là 20/10/2020. Như vậy, với số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 26,17 triệu cổ phiếu, doanh nghiệp dự chi trả gần 78,5 tỷ đồng.
- FPT: Ông Bùi Quang Ngọc, Phó chủ tịch HĐQT đã bán ra 2,3 triệu cổ phiếu FPT trong ngày 07/9 theo phương thức thỏa thuận. Sau giao dịch, ông Ngọc đã giảm sở hữu tại FPT xuống còn hơn 19,25 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 2,46%.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                  |                      |              |            |      |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|------------|------|
| <div>HSG</div> <div>12.05</div> <div>CTCP Tập đoàn Hoa Sen</div> | Xu hướng hiện tại    |              | Kháng cự   | 12.5 |
|                                                                  | Tích lũy             |              | Hỗ trợ     | 11.5 |
|                                                                  |                      |              | MACD       | ↑    |
|                                                                  |                      |              | RSI        | ↑    |
|                                                                  | Khuyến nghị kỹ thuật |              | Moving Avg | ↑    |
| Tích cực                                                         |                      | Giá mục tiêu | 13         |      |
|                                                                  |                      | Upside       | 8%         |      |

#### Dự báo KQKD

Chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ của HSG năm 2020 là 1.32 triệu tấn (-5.3% yoy) với kỳ vọng sản lượng tiêu thụ trong những tháng cuối niên độ sẽ hồi phục khi tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát giúp hoạt động xây dựng quay trở lại, đặc biệt là nhóm dân dụng. Doanh thu thuần dự báo đạt 23,627 tỷ đồng (-15.7% yoy) và LNST đạt 710 tỷ (+96.6% yoy), tương đương với EPS = 1,548 đồng/CP, P/E fw = 6.5 lần.

#### Catalyst

Giá HRC đang ở mặt bằng thấp, giúp tiết kiệm chi phí và cải thiện biên lợi nhuận.

|                         |                      |  |              |      |  |
|-------------------------|----------------------|--|--------------|------|--|
| PPC                     | Xu hướng hiện tại    |  | Kháng cự     | 24.5 |  |
|                         | Tích lũy             |  | Hỗ trợ       | 24   |  |
|                         |                      |  | MACD         | ↑    |  |
|                         |                      |  | RSI          | ↑    |  |
|                         | Khuyến nghị kỹ thuật |  | Moving Avg   | ↑    |  |
| 24.4                    |                      |  | Giá mục tiêu | 26   |  |
| CTCP Nhiệt điện Phả Lại |                      |  | Upside       | 8%   |  |
| Tích cực                |                      |  |              |      |  |

#### Phân tích chỉ tiêu định giá

Cổ phiếu có PE hiện tại 6.86 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 1.25 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 5.98 .PE ngành 31.77, PB ngành 1.29. PE thị trường 24, PB thị trường 8.82

#### Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng

Doanh thu 12 tháng gần nhất là 8732.59 tỷ đồng , tăng trưởng 23.86 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 1098.77 tỷ đồng , tăng trưởng 7.32 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 11.14 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 32.61 %.

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639